

Kh·a h̃ c :	L̃ p h̃ c : 35CCĐ6	Nl̃m h̃ c : 2013-2014	h̃ VHT : 2 (30,0,0,0,0,0)
H̃ ñ T :	H̃ c ph̃Fn : 132017302204 - D̃ tõgn c̃1 ng tr̃3nh	H̃ c k8 : HK02	

STT	Mã S	L P SV	H Vê TqN	NGÀY SINH	q IqM THê NH PHêN						TBC	QUY TS: 30%	q IqM THI	QUY TS : 70%	q IqM TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3571011793	35CCĐ6	Cao Vên Cát	14/06/1992	7.0	7.0					7.0	2.1	6.0	4.2	6.3	N HP
2	3571011275	35CCĐ6	Nguyễn Thnh Công	06/11/1993	6.0	7.0					6.5	2.0	6.0	4.2	6.2	N HP
3	3571011344	35CCĐ6	L Qu c Cng	13/03/1993	7.0	7.0					7.0	2.1	8.5	6.0	8.1	N HP
4	3571011373	35CCĐ6	Phm Bto Chuc	08/03/1993	7.0	7.0					7.0	2.1	8.0	5.6	7.7	
5	3571011347	35CCĐ6	KiQ nh Dng	09/10/1993	8.0	8.0					8.0	2.4	8.0	5.6	8.0	N HP
6	3571011426	35CCĐ6	Nguyễn Vên Dng	10/03/1991	9.0	9.0					9.0	2.7	5.5	3.9	6.6	
7	3571011294	35CCĐ6	Lê Xuân ệ	26/09/1993	6.0	6.0					6.0	1.8	9.0	6.3	8.1	N HP
8	3571011281	35CCĐ6	L Vên ệ n	25/07/1993	9.0	8.0					8.5	2.6	9.0	6.3	8.9	
9	3571011366	35CCĐ6	Nguyễn Khc ệ c	25/08/1993	0.0	0.0					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
10	3571011441	35CCĐ6	Tng Ng c Giang	02/09/1992	8.0	7.0					7.5	2.3	4.0	2.8	5.1	N HP
11	3571011801	35CCĐ6	Lê Thành HiJu	09/02/1992	7.0	8.0					7.5	2.3	9.0	6.3	8.6	N HP
12	3571011239	35CCĐ6	Qu«ng ệ Trung HiJu	02/09/1993	7.0	6.0					6.5	2.0	2.0	1.4	3.4	N HP
13	3571011349	35CCĐ6	V» Qu c HiJu	29/07/1993	6.0	7.0					6.5	2.0	6.0	4.2	6.2	
14	3571011313	35CCĐ6	Lê Minh Hoa	02/02/1993	6.0	5.0					5.5	1.7	9.0	6.3	8.0	N HP
15	3571011815	35CCĐ6	Phan Công H p	12/04/1993	8.0	8.0					8.0	2.4	4.5	3.2	5.6	N HP
16	3571011283	35CCĐ6	L Qu c Hùng	05/12/1993	7.0	6.0					6.5	2.0	3.0	2.1	4.1	
17	3571011816	35CCĐ6	Nguyễn Qu c Hng	05/05/1990	0.0	0.0					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
18	3571011341	35CCĐ6	L Nguyễn Tuân Khanh	28/10/1993	8.0	8.0					8.0	2.4	7.0	4.9	7.3	N HP
19	3571011417	35CCĐ6	ệ L Ho ng Khánh	06/01/1993	9.0	9.0					9.0	2.7	8.0	5.6	8.3	

Kh. a h̃ c : **L. p h̃ c :** 35CCĐ6 **Nl̃m h̃ c :** 2013-2014 **ṇVHT :** 2
(30,0,0,0,0,0)
H̃ ṇT : **H̃ c phFn :** 132017302204 - D. to§n c¹ ng tr³nh **H̃ c k8 :** HK02

STT	Mã S	L P SV	H Vê TqN	NGÀY SINH	q IqM THê NH PHêN						TBC	QUY TS: 30%	q IqM THI	QUY TS : 70%	q IqM TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3571011354	35CCĐ6	V» q_ c Long	26/08/1993	8.0	8.0					8.0	2.4	9.0	6.3	8.7	N HP
21	3571011384	35CCĐ6	Nguy_ n Th§i L-Ê ng	21/10/1993	0.0	0.0					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
22	3571011231	35CCĐ6	Nguy_ n Ng` c Ly	20/07/1993	0.0	0.0					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
23	3571011803	35CCĐ6	Hu8nh Vi` t M:	02/06/1993	8.0	8.0					8.0	2.4	6.0	4.2	6.6	N HP
24	3571011258	35CCĐ6	q inh Cao Nguyên	15/02/1992	8.0	8.0					8.0	2.4	2.0	1.4	3.8	
25	3571011255	35CCĐ6	Lê Thành Nhân	11/11/1993	8.0	8.0					8.0	2.4	6.0	4.2	6.6	N HP
26	3571011372	35CCĐ6	Hu8nh Têh Nh_ t	20/05/1993	9.0	9.0					9.0	2.7	9.0	6.3	9.0	
27	3571011240	35CCĐ6	Nguy_ n Chi/Jn Nh_ t	15/06/1993	8.0	8.0					8.0	2.4	2.0	1.4	3.8	N HP
28	3571011409	35CCĐ6	PhêM VêN Phong	08/04/1991	8.0	9.0					8.5	2.6	4.0	2.8	5.4	
29	3571011401	35CCĐ6	Hu8nh Minh Quang	19/05/1992	7.0	7.0					7.0	2.1	5.0	3.5	5.6	N HP
30	3571011804	35CCĐ6	T`i q_ i Duy Quang	12/03/1992	8.0	8.0					8.0	2.4	4.0	2.8	5.2	N HP
31	3571011376	35CCĐ6	Nguy_ n Minh Quy/J	15/12/1991	9.0	9.0					9.0	2.7	4.5	3.2	5.9	N HP
32	3571011292	35CCĐ6	Hu8nh Tr-êng Ph-ê c Sang	19/10/1993	0.0	0.0					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
33	3551010060	35CCĐ6	Phêng Khê Anh Tài	21/05/1993	7.0	8.0					7.5	2.3	2.0	1.4	3.7	
34	3571011273	35CCĐ6	Nguy_ n H_ u Têh	12/08/1993	6.0	7.0					6.5	2.0	3.0	2.1	4.1	N HP
35	3571011279	35CCĐ6	Nguy_ n Huy Toàn	01/01/1993	8.0	7.0					7.5	2.3	6.0	4.2	6.5	
36	3571011395	35CCĐ6	Trêh VêN Toán	30/06/1993	8.0	7.0					7.5	2.3	4.5	3.2	5.4	N HP
37	3571011222	35CCĐ6	Nguy_ n Duy Thanh	24/04/1993	7.0	6.0					6.5	2.0	6.0	4.2	6.2	
38	3571011251	35CCĐ6	PhêM q_ c Thêo	15/08/1993	6.0	7.0					6.5	2.0	9.0	6.3	8.3	N HP

Kh. a h c : **L. p h c :** 35CCĐ6 **Năm h c :** 2013-2014 **q VHT :** 2
(30,0,0,0,0,0)
H' nT : **H' c phFn :** 132017302204 - D to 8n c¹ ng tr³nh **H' c k8 :** HK02

STT	Mã S'	L, P SV	H' Vê TqN	NGÀY SINH	η IqM THê NH PHêIN						TBC	QUY TS: 30%	η IqM THI	QUY TS : 70%	η IqM TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
39	3571011224	35CCĐ6	Mai Trung Thái	06/04/1993	8.0	8.0					8.0	2.4	2.0	1.4	3.8	N' HP
40	3571011233	35CCĐ6	Nguyễn Quốc Thịnh	11/08/1993	8.0	7.0					7.5	2.3	4.0	2.8	5.1	N' HP
41	3571011385	35CCĐ6	Phạm Quang Thuận	27/09/1993	9.0	8.0					8.5	2.6	7.0	4.9	7.5	N' HP
42	3571011429	35CCĐ6	Châu Văn Thuận	31/03/1993	9.0	9.0					9.0	2.7	5.0	3.5	6.2	N' HP
43	3571011398	35CCĐ6	Tô Văn Thế	21/10/1993	9.0	8.0					8.5	2.6	7.0	4.9	7.5	
44	3571011332	35CCĐ6	Phạm Văn Trúc	12/12/1992	8.0	7.0					7.5	2.3	8.0	5.6	7.9	
45	3571011309	35CCĐ6	Trần Văn Sỹ	15/06/1993	7.0	8.0					7.5	2.3	2.0	1.4	3.7	

Tr ̣ng s' : 45 ḥ c sinh sinh vi°n

Tp.HCM, ngày / /

Trẻ ng Khoa

Gişo Vi^on B, M¹ n

Giáo V Khoa